

Số: 35/2026/QĐST-HNGĐ

Lâm Đồng, ngày 26 tháng 01 năm 2026.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 21/2026/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2026 giữa:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Hữu T – sinh năm 1991; Địa chỉ: Khu phố A, phường M, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H – sinh năm 1992; Địa chỉ: Khu phố A, phường M, tỉnh Lâm Đồng.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 01 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 01 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Nguyễn Hữu T và chị Nguyễn Thị H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về con chung:* Giao 02 con chung tên: Nguyễn Ngọc Phương U, sinh ngày 17/11/2014; Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 17/11/2018 cho chị Nguyễn Thị H được quyền tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Hữu T tự nguyện, thoả thuận chịu trách nhiệm cấp dưỡng nuôi 02 con tên Nguyễn Ngọc Phương U, sinh ngày 17/11/2014; Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 17/11/2018 số tiền 3.000.000đồng/con/tháng. Tổng cộng 6.000.000đồng/ tháng cho 02 con, kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật cho

đến khi người được cấp dưỡng đã thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản tự nuôi mình.

Anh Nguyễn Hữu T được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung; Thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về tài sản và nợ chung: Anh Nguyễn Hữu T, chị Nguyễn Thị H không yêu cầu toà án giải quyết.

Về án phí: Anh Nguyễn Hữu T tự nguyện thoả thuận chịu 150.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Do anh P đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí toà án số 0000228 ngày 07 tháng 01 năm 2026 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng nên không phải nộp nữa

Chị Nguyễn Thị H không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát khu vực 10;
- Thi hành án dân sự Lâm Đồng;
- UBND nơi thực hiện đăng ký kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN



OTU260126.TL.QDBA
249

Đặng Thị Lại